

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 307/2025/DS-PT
Ngày: 05-6-2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Phụng
bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 5 và ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2024/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** bà Trần Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Bảo T, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2023).

2. Ông Trần Ngọc Trường A, sinh năm 1993.

3. Ông Trần Văn H, sinh năm 1950.
4. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1959.
5. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1960.
6. Ông Trần Văn Ú, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* bị đơn, bà Trần Thị L.

(Bà Huỳnh Thị Ngọc N, bà Trần Thị L, ông Trần Văn H, ông Trần Văn H1 có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 19/12/2022, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 13/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc N trình bày:

Ông bà nội của bà là cụ Trần Văn B (chết năm 1997) và cụ Huỳnh Thị N1 (chết năm 2007). Cụ B và cụ N1 có 05 người con gồm: ông Huỳnh Văn H2, bà Trần Thị L, ông Trần Văn H1, ông Trần Văn H và ông Trần Văn Ú. Cha mẹ của bà là ông Huỳnh Văn H2 (chết năm 2022) và bà Trần Thị Mỹ L1 (chết năm 2021), ông H2 và bà L1 có 02 người con là bà và Huỳnh Thị Bảo T.

Khoảng năm 1988, ông H2 được cụ B và cụ N1 cho phần đất thửa 793, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.044m², loại đất lúa, tọa lạc tại xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Khi cho có văn bản giấy tờ gì không thì bà không biết, nhưng có cắm ranh giới rõ ràng, các cô chú trong gia đình đều biết. Đến năm 1997, ông H2 kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đối với phần đất này ngày 19/5/1997, vào sổ cấp GCN số 00428 QSDĐ/0512-LA. Từ khi được cho, ông H2 sử dụng để canh tác lúa.

Trước đó cụ N1 ở phần đất khác. Đến khoảng năm 2006, bà L và cụ N1 về cất nhà lá trên một phần thửa 793. Ông H2 chỉ cho cụ N1 ở nhờ cấp lộ để mua bán. Việc cho ở nhờ không lập văn bản gì. Quá trình ở đó thì bà L có sửa chữa, gần đây năm 2020 thì có xây dựng thêm nhà vệ sinh. Năm 2011, ông H2 chuyển nhượng một phần thửa 793, diện tích 1.088m² cho bà Nguyễn Thị L2, bà L2 đã được cấp giấy sang tên (thửa mới là 3380), thửa 793 còn lại diện tích 956m².

Khi còn sống, cha mẹ của bà đã nhiều lần yêu cầu cụ N1 và bà L đi nơi khác cất nhà ở, vì cụ N1 vẫn còn phần đất khác, bà L hứa nhiều lần sẽ đi, nhưng vẫn không đi. Hiện ông Trần Văn Ú đã chia cho bà L phần đất đối diện với phần đất đang tranh chấp theo lời cụ N1 trước khi chết. Đến năm 2021, ông H2 có làm đơn tranh chấp đất đai và được UBND xã Đ hòa giải, tuy nhiên bà L cho rằng khi còn sống cụ N1 và ông H2 đã hoán đổi đất nên bà L không đồng ý di dời. Bà xác định hoàn toàn không có việc hoán đổi đất như các cô chú trình bày.

Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu buộc bà Trần Thị L phải tháo dỡ, di dời căn nhà diện tích 80m² để trả lại phần đất thuộc khu E theo Mạnh trích đo bản đồ địa chính số 271-2024 do Công ty TNHH Đ vẽ ngày 08/8/2024, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 13/8/2024 thuộc một phần thửa 793 (pcl).

Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà thông nhất về mối quan hệ huyết thống như bà Ngọc N trình bày, bà là cô ruột của bà N và bà T. Bà thừa nhận nguồn gốc phần đất thửa 793 là của cụ N1 và cụ B đã cho ông H2. Các anh em khác cũng được cha mẹ chia cho một phần đất khác, mỗi người diện tích khoảng 1.875m², nhưng bà thì không được chia. Việc phân chia đất không có giấy tờ, nhưng có chỉ ranh và cắm cột mốc. Cụ N1 và cụ B vẫn còn một phần đất thuộc thửa 793 và phần đất ở khu vực khác. Từ khi sinh ra bà sống với cụ N1 và cụ B ở trên phần đất khác, đến năm 1996 thì cụ N1 hoán đổi với ông H2 để cho bà một phần đất diện tích khoảng 60m² để bà cất nhà ở với cụ N1 từ đó đến nay. Phần đất hoán đổi là một phần thửa 793 ở phía sau. Bà xác định không có việc ông H2 cho cụ N1 ở nhờ như bà N trình bày. Ông H2 và bà L1 đều không có ý kiến gì về việc hoán đổi đất cũng như việc bà và cụ N1 cất nhà ở. Đến năm 2021, ông H2 mới có đơn tranh chấp, nhưng sau đó cũng không có ý kiến gì nữa. Đến khi ông H2 chết, thì bà N mới yêu cầu bà di dời nhà đi nơi khác. Việc hoán đổi và cho bà phần đất này thì không có giấy tờ, nhưng các anh em trong gia đình đều biết. Do diện tích nhỏ nên bà không làm thủ tục kê khai cấp GCNQSDĐ. Hiện nay bà đang thờ cúng cụ N1 và đang sinh sống với con trai là Trần Ngọc Trường A trên phần đất tranh chấp. Nay bà N yêu cầu thì bà không đồng ý, bà đề nghị được tiếp tục ở đó để thờ cúng cụ N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Huỳnh Thị Bảo T do bà Huỳnh Thị Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: bà T thông nhất và đồng ý với toàn bộ lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của bà N.

Ông Trần Văn H1, ông Trần Văn H và ông Trần Văn Ú thống nhất trình bày: các ông là con của cụ bà Huỳnh Thị N1 và cụ ông Trần Văn B. Khi còn sống cha mẹ đã cho ông H1, ông H và ông Ú mỗi người 3 công đất (1 công là 625m²). Việc tặng cho đất không có đo đạc thực tế và không có lập văn bản. Các anh chị em trong gia đình đều biết. Năm 1996, cụ N1 hoán đổi với ông H2 phần đất lúa phía sau giáp với đất ông H2 được cho (đất của cụ N1, cụ B còn lại) diện tích khoảng 120m² để lấy phần đất phía trước cặp lộ diện tích 60m² cho cụ N1 và bà L cất nhà ở buôn bán, việc hoán đổi này chỉ nói miệng chứ không lập văn bản nhưng các anh chị em trong nhà đều biết. Ông H2 cũng đồng ý và vợ ông H2 cũng không có ý kiến. Sau đó, cụ N1 và bà L sinh sống trên phần đất này đến nay. Đến năm 1997, ông H2 kê khai và được cấp GCNQSDĐ, ông H2 đã kê khai và được cấp luôn cả phần đất hoán đổi với cụ N1. Ông H2 chết thì bà N tranh chấp, bà N cho rằng chỉ cho bà N1 ở nhờ là không đúng. Do đó, các ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà L được tiếp tục sinh sống trên phần đất này. Ngoài ra, ông Trần Văn Ú bị bệnh, đi lại khó khăn nên xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

Ông Trần Ngọc Trường A trình bày: ông là con của bà Trần Thị L, ông thống nhất với lời trình bày của bà L và các cậu là ông H1, ông H và ông Ú. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, đồng thời xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

Bà Nguyễn Thị G trình bày: bà là vợ của ông Trần Văn H, bà thống nhất với lời trình bày của ông H. Bà không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này, đồng thời xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2024/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc N về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Trần Thị L.

- Buộc bà Trần Thị L phải trả lại phần đất diện tích 80m², thuộc một phần thửa 793, tờ bản đồ số 5, đất tại xã Đ, huyện C, tỉnh Long An tại vị trí khu E theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 271-2024 do Công ty TNHH Đ vẽ ngày 08/8/2024, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 13/8/2024.

- Buộc bà Trần Thị L phải tháo dỡ, di dời các tài sản trên khu E để trả lại đất cho bà Huỳnh Thị Ngọc N.

2. Bà Trần Thị L được quyền lưu cư tại phần đất trên trong thời gian 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, tiền lãi do chậm thanh toán, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2025, bị đơn bà Trần Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Trần Thị L trình bày: vì là quan hệ mẹ con, anh em ruột, nên việc hoán đổi đất với ông H2 không viết giấy tờ gì để làm bằng chứng, nhưng thực tế là bà và mẹ là cụ N1 đã sinh sống trên đất từ năm 1996 cho đến nay. Trước đây, phần đất hoán đổi là đất trũng, bà đã đổ đất san lấp làm nền cất nhà ở mà ông H2 không có ngăn cản gì. Nay, nếu bà phải tháo dỡ, di dời nhà, thì yêu cầu bà N phải hoàn trả cho bà chi phí đổ đất và giá trị nhà tổng cộng 350.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc N trình bày: cha mẹ của bà chỉ cho bà L ở nhờ trên đất, nay, bà L đã được ông Trần Văn Ú cho một phần đất khác và đã cất nhà cho con trai của bà L ở thì phải tháo dỡ nhà, trả lại đất cho gia đình bà sử dụng. Bà không đồng ý yêu cầu bồi thường chi phí san lấp đất và giá trị nhà cho bà L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1, ông Trần Văn H trình bày: cha mẹ các ông có chia đất cho các con trai, còn bà L là con gái chưa được chia đất nên khi còn sống, mẹ ruột của các ông là bà Huỳnh Thị N1 đã hoán đổi phần nương mạ còn lại phía sau đất mà ông H2 được chia để lấy phần đất nhỏ hơn của ông H2, nhưng tiếp giáp con đê cho bà L buôn bán sinh sống. Hiện nay, phần đất mà

con trai của bà L đang cất nhà ở khi cưới vợ là của ông Trần Văn Ú cho mượn ở nhờ, chứ bà L chưa có đất.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn, bà Trần Thị L đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cho rằng đã đổ đất san lấp nền, giá trị hiện nay khoảng 200 triệu đồng, còn căn nhà của bà khoảng 150 triệu đồng và yêu cầu bà N phải hoàn trả. Vấn đề này chưa được xem xét khi buộc bà L tháo dỡ nhà. Ngoài ra, căn nhà của bà L còn chiếm một phần bên thừa đất của ông Trần Văn H, mặc dù phía ông H hoàn toàn không tranh chấp với bà L, nhưng cũng cần xem xét việc tháo dỡ có ảnh hưởng đến phần nhà còn lại của bà L bên phần đất phía ông H hay không. Như vậy, việc giải quyết vụ án vẫn chưa toàn diện, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn, bà Trần Thị L thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: bà Huỳnh Thị Bảo T vắng mặt, nhưng có người đại diện là bà Huỳnh Thị Ngọc N có mặt; ông Trần Ngọc Trường A, bà Nguyễn Thị G, ông Trần Văn Ú vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bị đơn bà Trần Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện và từ lời trình bày của các đương sự, thì các tình tiết sau đây không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Huỳnh Văn H2, bà Trần Thị L là con ruột của cụ ông Trần Văn B và cụ bà Huỳnh Thị N1. Ông Huỳnh Văn H2 (chết năm 2022), vợ là bà Trần Thị Mỹ L1 (chết năm 2021) có 02 người con chung là Huỳnh Thị Ngọc N và Huỳnh Thị Bảo T. Thừa đất số 793 có nguồn gốc của cụ ông Trần Văn B và cụ bà Huỳnh Thị N1 trước khi chết đã cho ông Huỳnh Văn H2. Ông H2 kê khai và được cấp GCNQSDĐ ngày 19/5/1997. Năm 2011, ông H2 chuyển nhượng một phần thửa đất này cho bà Nguyễn Thị L2 diện tích 1.088m², còn lại là 956m². Trên phần đất 956m² hiện có một phần căn nhà diện tích 80m² (thuộc khu E theo Mảnh trích đo địa chính số 271-2024), do cụ N1 cất để ở với bà L và buôn bán. Sau khi cụ N1 chết năm 2007, thì bà L và con

ruột là ông A tiếp tục quản lý sử dụng nhà, đất cho đến nay (các bút lục số 75-83, 91, 99).

[5] Phần nội dung các đương sự không thống nhất: bà N trình bày khi ông H2 còn sống chỉ cho cụ N1 và bà L mượn đất để cất nhà ở và buôn bán, chứ không có việc hoán đổi đất. Bà L trình bày năm 1996, cụ N1 đã hoán đổi với ông H2 phần đất nương mạ diện tích khoảng 120m² cùng thuộc thửa 793, nằm ở phía sau, để lấy phần đất đang tranh chấp có diện tích 80m² cùng thuộc thửa 793, nằm ở phía trước giáp con đê.

[6] Hồ sơ vụ án thể hiện, tại Đơn yêu cầu giải quyết ghi ngày 23/4/2021 gửi UBND xã Đ về việc tranh chấp đất với bà L (bút lục số 69), ông H2 trình bày chỉ cho bà L ở nhờ do bà L chưa được cho đất, nay bà L đã được cho đất nhưng không trả lại đất cho ông nên ông nhờ xã giải quyết. Tại các biên bản làm việc đối với những người hàng xóm sống lâu năm tại địa phương, gần phần đất tranh chấp, Phó ấp, Trưởng ấp xác định không biết có việc cho ở tạm hay hoán đổi đất (các bút lục 100, 101, 102). Bà L không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh có sự việc hoán đổi đất, chỉ có lời làm chứng của 03 người anh em ruột của bà L là các ông Trần Văn H, Trần Văn H1 và Trần Văn Ú là chưa đủ căn cứ để chứng minh.

[7] Ngoài ra, bà L xác định thời điểm hoán đổi đất là năm 1996, nhưng tại thời điểm đó các bên đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc hoán đổi đất không lập thành văn bản nên không phù hợp với điều kiện được chuyển đổi đất quy định khoản 2 Điều 3, Điều 31 Luật Đất đai năm 1993.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định không có cơ sở xác định có việc hoán đổi đất giữa ông H2 và cụ N1, là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và đúng quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà L yêu cầu xác định có sự việc hoán đổi đất với ông H2.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/5/2025, bà N thừa nhận, trên phần đất tranh chấp khi cụ N1 và bà L cất nhà sinh sống có đồ đất san lấp làm nền, nhưng bà N và bà L lại không thống nhất được chi phí là bao nhiêu. Trong đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ghi ngày 02/6/2025 gửi Hội đồng xét xử phúc thẩm, bà L trình bày, nếu buộc phải trả lại đất thì yêu cầu bà N phải bồi thường cho bà chi phí san lấp và giá trị nhà. Đây là những yêu cầu chưa được xem xét theo thủ tục sơ thẩm. Ngoài ra, căn nhà của bà L xây dựng có 01 phần diện tích là 23m² trên thửa đất 3919 do ông Trần Văn H đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – là khu B trên Mảnh trích đo địa chính số 271-2024. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không tranh chấp yêu cầu bà L tháo dỡ di dời nhà, nhưng cũng cần xem xét nếu buộc bà L tháo dỡ phần nhà trên phần đất tranh chấp - là khu E trên Mảnh trích đo địa chính số 271-2024, để trả lại đất cho bà N, thì có ảnh hưởng gì đến kết cấu và giá trị sử dụng của phần nhà trên khu B hay không, thì mới đảm bảo giải quyết toàn diện vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và đảm bảo khả năng thi hành án. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: do hủy bản án sơ thẩm, nên bà Trần Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm. Do bà L được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm nên không tuyên hoàn trả tạm ứng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bà Trần Thị L.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2024/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị L không phải chịu.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

